

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST

Ngày: 13- 06-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồ Hải Thành và bà Võ Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Phạm Thị Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-KDTM ngày 24/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Dịch vụ V

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Dũng T - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền : Từ Văn H - Chức vụ: Chuyên viên tổ chức pháp chế Chi nhánh

Tổng Công ty Dịch vụ V - Trung tâm Hỗ trợ bán hàng Miền Trung (theo văn bản ủy quyền số 100/GUQ-VNPT VNPM-T-TH ngày 27.11.2017) Có mặt.

Địa chỉ: 50 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận H, thành phố Đ

Bị đơn: Công ty TNHH B Việt Nam

Địa chỉ: Số 630-632 đường Ngô Quyền, phường A, quận S, thành phố Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Paul Frederick S - Tổng giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05/04/2018 và các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Từ Văn H bày:*

Ngày 22/04/2009 giữa Trung tâm Điện toán truyền số liệu Khu vực III nay đổi chủ thể là Trung tâm Hỗ trợ bán hàng Miền Trung và Công ty TNHH B Việt Nam đã ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số 220409-472/VDC3-VNNTT/HĐDV và các phụ lục số: 01,02,03,04,05,06,07 kèm theo về việc cung cấp dịch vụ Internet trực tiếp. Theo hợp đồng đơn vị chúng tôi sẽ cung cấp dịch vụ Internet trực tiếp. Sau khi ký hợp đồng Công ty chúng tôi đã cung cấp đầy đủ dịch vụ cho Công ty TNHH B Việt Nam đảm bảo như hợp đồng đã ký. Công ty TNHH B Việt Nam đã thanh toán tiền cước phí đầy đủ. Tuy nhiên từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến nay công ty B Việt Nam chỉ thanh toán cho chúng tôi 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Đến ngày 30/09/2017 hai bên đã ký Biên bản xác nhận công nợ, công ty Besra xác nhận nợ tiền dịch vụ của chúng tôi là : 134.223.755 đồng.

Theo đơn khởi kiện số 88/VNPT-VNPM-T-TH ngày 24 tháng 01 năm 2018 chúng tôi gửi đến Tòa án kiện Công ty TNHH B Việt Nam nợ tiền cước dịch vụ với số tiền: 214.883.106 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 134.223.755 đồng. Số tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2014 đến 31/12/2017 tính theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định là 1,5x10%/Năm, số tiền là 80.659.351 đồng.

Nay chúng tôi kiện bổ sung như sau:

Số tiền nợ gốc là 134.223.755 đồng. Số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/04/2014 đến 31/05/2018 tính theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định là 1,5x9%/Năm, số tiền là 75.500.862 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay công ty chúng tôi yêu cầu Tòa buộc Công ty TNHH B Việt Nam trả cho chúng tôi tổng số tiền là : 209.724.617 (Hai trăm linh chín triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm mười bảy đồng. Trong đó: Số nợ gốc : 134.223.755 đồng. Tiền lãi: 75.500.862 đồng, tính lãi từ ngày 01/04/2014 đến 31/05/2018, 50 tháng $(134.223.755 \times 1,5\% \times 50/12 = 75.500.862 \text{ đồng})$).

** Bị đơn Công ty TNHH B Việt Nam đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của Công ty TNHH B Việt*

Nam trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Đại diện nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/3/2018; 23/4/2018; phiên tòa ngày 14/5/2018 và ngày hôm nay 13/6/2018 là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều: 74, 78, 82, 83 Điều 306 Luật thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH B Việt Nam phải thanh toán cho Tổng công ty dịch vụ V số tiền 209.724.617 (Hai trăm linh chín triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm mười bảy đồng. Trong đó: Số nợ gốc : 134.223.755 đồng. Tiền lãi: 75.500.862 đồng, tính lãi từ ngày 01/04/2014 đến 31/05/2018, 50 tháng ($134.223.755 \times 1,5\% \times 50/12 = 75.500.862$ đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn khởi kiện của Tổng công ty dịch vụ V nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty TNHH B Việt Nam (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đại diện nguyên đơn Tổng công ty dịch vụ V trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Ngày 22/04/2009 giữa Tổng công ty dịch vụ V và Công ty TNHH B Việt Nam đã ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số 220409-472/VDC3-VNNTT/HĐDV và các phụ lục số: 01,02,03,04,05,06,07 kèm theo về việc cung cấp dịch vụ Internet trực tiếp. Đến ngày 30/09/2018 Công ty TNHH B Việt Nam và Tổng công ty dịch vụ V đã lập biên bản xác nhận công nợ, theo biên bản xác nhận công nợ thì TNHH B Việt Nam nợ Tổng công ty dịch vụ V số tiền 134.223.755 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH B Việt Nam phải thanh toán tổng số tiền 209.724.617 (Hai trăm linh chín triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm mười bảy đồng. Trong đó: Số nợ gốc : 134.223.755 đồng. Tiền lãi: 75.500.862 đồng, tính lãi từ ngày 01/04/2014 đến 31/05/2018, 50 tháng ($134.223.755 \times 1,5\% \times 50/12 = 75.500.862$ đồng).

[3] Xét các yêu cầu của Tổng công ty dịch vụ V thì thấy:

Ngày 22/04/2009 giữa Tổng công ty dịch vụ V và Công ty TNHH B Việt Nam đã thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ VNN/Internet trực tiếp số 220409-472/VDC3-VNNTT/HĐDV và các phụ lục số: 01,02,03,04,05,06,07 kèm theo về việc cung cấp dịch vụ Internet trực tiếp. Đây là hợp đồng kinh tế được các bên ký kết đúng về hình thức và nội dung nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, các bên có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/09/2018 được ký kết giữa hai bên thể hiện Công ty TNHH B Việt Nam còn nợ Tổng công ty dịch vụ V số tiền 134.223.755 đồng. Do đó, việc Tổng công ty dịch vụ V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH B Việt Nam thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng là 134.223.755 đồng là có cơ sở phù hợp với các Điều 74, 78, 82, 83 Điều 306 Luật thương mại, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu thay đổi thời gian tính lãi suất như sau:

Lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/4/2014 đến ngày 31/5/2018. Do Công ty TNHH B Việt Nam chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên việc Tổng công ty dịch vụ V yêu cầu tính lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/4/2014 đến 31/05/2018, tính theo mức lãi suất là $1,5\%/Năm$, 50 tháng số tiền là: 75.500.862 đồng ($134.223.755 \times 1,5\% \times 50/12 = 75.500.862$ đồng).

HĐXX xét thấy: Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả nhưng do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi theo mức thấp hơn lãi suất nợ quá hạn

trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm (lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cho vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 9,0 %/năm; Lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cho vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam là 8,60%/năm; Lãi suất nợ quá hạn của lãi suất cho vay ngắn hạn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam là 13, 5%/năm ($9,0 \text{ %/năm} + 8,60\text{/năm} + 13, 5\text{/năm} = 10.36\text{/năm}$). HĐXX thấy phù hợp nên chấp nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty dịch vụ V buộc Công ty TNHH B Việt Nam phải thanh toán số tiền: 209.724.617 (Hai trăm linh chín triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm mười bảy đồng). Trong đó: Số nợ gốc : 134.223.755 đồng. Tiền lãi: 75.500.862 đồng, tính lãi từ ngày 01/04/2014 đến 31/05/2018, 50 tháng ($134.223.755 \times 1,5\% \times 50/12 = 75.500.862$ đồng).

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền 209.724.617 (Hai trăm linh chín triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm mười bảy đồng), nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại với mức thu là:

$$\{209.724.617 \text{ đồng} = 209.724.617 \text{ đồng} \times 5\% = 10.486. 230 \text{ đồng}\}$$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 38 và điểm g khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 74, 78, 82, 83 Điều 306 Luật thương mại.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ*” của Tổng công ty dịch vụ V đối với Công ty TNHH B Việt Nam

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH B Việt Nam phải thanh toán cho Tổng công ty dịch vụ V số tiền: 209.724.617 (Hai trăm linh chín triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm mười bảy đồng). Trong đó: Số nợ gốc : 134.223.755 đồng. Tiền lãi: 75.500.862 đồng, tính lãi từ ngày 01/04/2014 đến 31/05/2018, 50 tháng $(134.223.755 \times 1,5\% \times 50/12 = 75.500.862 \text{ đồng})$.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM - ST:

- Công ty TNHH B Việt Nam phải chịu: 10.486. 230 đồng.

- Hoàn lại cho Tổng công ty dịch vụ V số tiền tạm ứng án phí 3.355.593 đồng theo biên lai thu số 008531 ngày 9/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S

- Những người tham gia tố tụng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ

(Đã ký)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

